

Số: 867/NMĐSH1-TM

Cần Thơ, ngày 23 tháng 04 năm 2026

V/v cung cấp báo giá "Mua sắm vật tư xử lý bất thường thiết bị/ hệ thống tháng 03 năm 2026 phục vụ công tác VH-BDSC Nhà máy Nhiệt điện Sông Hậu 1"

Kính gửi: Các nhà cung cấp

Chi nhánh Phát điện Dầu khí/Nhà máy Nhiệt điện Sông Hậu 1 (NMNĐ Sông Hậu 1) đang có nhu cầu triển khai Mua sắm vật tư xử lý bất thường thiết bị/ hệ thống tháng 03 năm 2026 phục vụ công tác VH-BDSC Nhà máy Nhiệt điện Sông Hậu 1 đề nghị Quý Công ty quan tâm, nghiên cứu và cung cấp báo giá hàng hóa nói trên với nội dung như sau:

1. Phạm vi công việc và tiến độ cung cấp: như *Phụ lục đính kèm*.
2. Địa điểm giao hàng: NMNĐ Sông Hậu 1, Ấp Phú Xuân, Xã Châu Thành, TP. Cần Thơ.
3. Hiệu lực báo giá: 90 ngày kể từ ngày chào giá.
4. Thời gian gửi báo giá: trước 15h00 ngày 08/05/2026.
5. Phương thức gửi báo giá: gửi qua địa chỉ email hoặc theo địa chỉ tiếp nhận trực tiếp/bưu điện.
6. Thông tin liên hệ:

Người nhận: Phòng Thương Mại - NMNĐ Sông Hậu 1

Địa chỉ: ấp Phú Xuân, xã Châu Thành, TP. Cần Thơ

Email: giangtth@pvpgb.vn; haipdm@pvpgb.vn; hunglt@pvpgb.vn; trimq@pvpgb.vn; nhanbaogia.hn@pvpgb.vn.

Nhà máy Nhiệt điện Sông Hậu 1 cảm ơn sự hợp tác của Quý Công ty./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- GD NMĐ SH1: N.V.Chính (để b/c);
- Lưu VT, TM (MQT).

**TL. GIÁM ĐỐC CHI NHÁNH PĐDK
KT. GIÁM ĐỐC NMNĐ SÔNG HẬU 1
PHÓ GIÁM ĐỐC**



Lương Khánh Duy

Phụ lục: Danh mục hàng hóa
"Mua sắm vật tư xử lý bất thường thiết bị/ hệ thống tháng 03 năm 2026 phục vụ công tác VH-BDSC Nhà máy Nhiệt điện Sông Hậu 1"

(Đính kèm công văn số 867 / NMDSH1-TM ngày 23 /04/2026)

STT	STT HT	Tên hàng hóa	Thông số kỹ thuật/ Yêu cầu kỹ thuật	Nhà sản xuất	Xuất xứ	Số lượng mua sắm	ĐVT	Ghi chú
I. Phần Cơ								
	1	- Valve Type: Parallel Slide Gate. - Operating Press.: 241.2 bar. - Operating Temp.: 566 oC. - Size: DN200. - Class: 4500#. - NSX: PK Valve Co., Ltd. - Drawing no: SH1-DHI-P0100-M-M01-LST-5330 (sheet no.: 013 of 228)						
1	1.1	Gasket	- No.8 - Material: 347 Stainless steel	PK Valve	OECD	2	Cái	
2	1.2	Packing	- No. 12 - Graphite + Graphite with Inconel wire	PK Valve	OECD	2	Bộ	
3	1.3	HP PRDS INLET ISOLATION Bypass MOV	- Valve Type: Globe - Class: 4500#. - Operating Press.: 241.2 bar. - Operating Temp.: 566 oC. - Size: DN25, - Body Material (ASTM): A182-F91 - Socket weld	PK Valve hoặc Tương đương	Châu Âu/ OECD	1	Cái	
4	1.4	Ắc quy	Ắc quy GS 12V 60AH 55D23L MF. Điện áp: 12V Dung lượng: 60Ah Kích thước bình: B24 (Dài * Rộng * Cao: 232mm * 173mm * 204mm) Vị trí cọc: L Chủng loại: Ắc quy khô	GS hoặc tương đương	Châu Âu/ OECD/ Asia	2	Cái	
	2	Model: IHV450-20 Type: HORIZONTAL CENTRIFUGAL DESIGN DIAMETER: 520mm MFR.: SHIN HAN LUB. TYPE: OIL BATH COUPLING TYPE: DISK						
6	2.1	Bearing Washer	- MB 20 - d: 100mm - d1: 120mm - d2: 142mm - B: 1,75mm - f: 12mm - M: 96.5mm	SKF hoặc Tương đương	Châu Âu/ G7/ OECD	1	Cái	
7	2.2	Thrust bearing	- Model: 7320B - Inside Diameter: 100 mm - Outside Diameter: 215 mm - Width: 47 mm - Basic dynamic load rating: 190 kN - Basic static load rating: 178 kN	NSK hoặc Tương đương	Châu Âu/ G7/ OECD	2	Cái	
8	2.3	Oil seal	- Size: 90x130x13 - Biên dạng (Type) = TC - Nhiệt độ làm việc phốt dầu : -40°C đến 125°C - Material: Rubber	SKF hoặc Tương đương	Châu Âu/ G7/ OECD	1	Cái	
9	2.4	Oil seal	- Size: 95x135x13 - Biên dạng (Type) = TC - Nhiệt độ làm việc của phốt chặn dầu: -40°C đến 125°C - Material: Rubber	SKF hoặc Tương đương	Châu Âu/ G7/ OECD	1	Cái	
10	2.5	Gate valve 80 mm	Type: Butt weld end Size: 80mm (3") Class: 150	WEIR BDK	G20	2	Cái	
11	2.6	Ball valve	Model: AVCFR(FLANGE) Size: 100 Body: A351-CF8 Seat Material: EPDM Press.: 16 bar Class: 150 LB	ACE Valve	OECD	1	Cái	
12	2.7	Oil Seal; 50 x 65 x 8 mm	Kích thước (đường kính trong, đường kính ngoài, bề rộng): 50X65X8 mm Vật liệu: NBR	SKF hoặc Tương đương	Châu Âu/ G7/ OECD	1	Cái	
13	2.8	Dây đai (V-Belts)	Sử dụng cho máy thổi khí AERZEN GM 35 S Mã vật tư: 122906000 AERZEN	AERZEN	Châu Âu/ G7/ OECD	4	Cái	

STT	MVT	Tên hàng hóa	Thông số kỹ thuật/ Yêu cầu kỹ thuật	Nhà sản xuất	Xuất xứ	Số lượng mua sắm	ĐVT	Ghi chú
II. Phần Điện								
13	34633112	Contactor 3P, 24V DC	Model: LC1D09BL Product or component type: Contactor Poles description: 3P [Ue] rated operational voltage: Power circuit: <= 690 V AC 25...400 Hz; Power circuit: <= 300 V DC. [Ie] rated operational current: 9 A (at <60 °C) at <= 440 V AC AC-3 for power circuit. [Uc] control circuit voltage: 24 V DC Pole contact composition: 3 NO Auxiliary contact composition: 1 NO + 1 NC Height 77 mm Width 45 mm Depth 95 mm	Schneider	Châu Âu/ OECD	2	Cái	
14	34633111	Contactor 3P, 48V DC	Model: LC1D09EL Product or component type: Contactor Poles description: 3P [Ue] rated operational voltage: Power circuit: <= 690 V AC 25...400 Hz; Power circuit: <= 300 V DC. [Ie] rated operational current: 9 A (at <60 °C) at <= 440 V AC AC-3 for power circuit. [Uc] control circuit voltage: 48 V DC Pole contact composition: 3 NO Auxiliary contact composition: 1 NO + 1 NC Height 77 mm Width 45 mm Depth 95 mm	Schneider	Châu Âu/ OECD	1	Cái	
15	39569004	Main board cục nóng; Main Board Outdoor	Model cục nóng: RKC71UVMV Power supply: 220-240 VAC-50Hz Cooling capacity: 7100 W Input: 2230 W Refrigerant: R32 Maximum current: 11,5 A	DAIKIN	Asean	1	Cái	
16	51615004	Inverter	Type Code: TR200P30KT4E55H3X GXXSXXSXXAEBXCXXXXX - P/N: 131X9874 - S/N: 002808H367 - 30KW/40 HP - Input: 3x380-480V, 50/60Hz, 60/53 A - Output: 3x0-Vin -590Hz 61/52 A - Type 12/ IP55 Tamb. 45 độ C/113 độ F	TRANE	G7	1	Cái	
17	34434009	Digital Metter	- Model: KDA - 3P - Aux. power: AC 90 ~ 260V (50/60Hz) / DC 110V - Operating temperature: -10~50°C - Maximum input: Approximately 110% of each measurement input - Input: + Range 0.05 ~ 6A (rated CT: 5A) + Accuracy ± (0.3% of rdg + 0.2% of F.S) - Display: + Text height (LED) 20.5 (0.8") mm Red + Measuring interval: 1 Times/sec	Lightstar	OECD	1	Cái	
18	31510004	Cáp điện	- Nexans Ref.: 10507211 - Construction characteristics: + Conductor material: Tinned copper + Conductor flexibility: Flexible class 5 + Insulation: Special Silicone + Outer sheath Silicon elastomer - Dimensional characteristics: + Conductor cross-section: 6 mm² + Nominal outer diameter: 5.3 mm + Conductor diameter 2.85 mm - Electrical characteristics: + Operating voltage: 1,1 kV + Test voltage: 4 kV + Max. DC resistance of the conductor at 20°C: 3,39 Ohm/km + Breakdown voltage: 10 kV - Usage characteristics: + Operating temperature, range: -55 ... 180 °C + Maximum operating temperature: 180 °C + Fire retardant: IEC 60332-3-24 (cat C)	Nexans hoặc tương đương	Châu Âu/ OECD	100	Mét	
19	32012143	Đầu cos chịu nhiệt độ cao	- Part Number: N5.5-8; - Vật liệu: Niken; - Chiều dài: 1.1mm; - Đường kính lỗ Bulong: 8.4 mm - Nhiệt độ vận hành liên tục: 400°C;	Nichifu hoặc tương đương		200	Cái	
20	37085047	Ống Gen Amiang Sợi Thủy Tinh	Thông số kỹ thuật - Đường kính trong: 6mm - Vật liệu: Sợi thủy tinh không chứa kiềm - Nhiệt độ làm việc liên tục: khoảng 400°C - Nhiệt độ chịu đột ngột: lên đến 600°C - Màu sắc: Trắng sữa - Tính chất: Cách nhiệt - cách điện - chống cháy	Tương đương		100	Mét	

100%
HÀNH
DIỆN D
AN CỘNG
LƯỢNG C
VIỆT NAM
PHỐ

STT	MVT	Tên hàng hóa	Thông số kỹ thuật/ Yêu cầu kỹ thuật	Nhà sản xuất	Xuất xứ	Số lượng mua sắm	ĐVT	Ghi chú
III. Phần C&I								
21	39553046	Actuator	Actuator Type: IQ10 Wiring diagram: 101B0000-6 Actuator Speed 96 rpm Output torque max: 34 Nm Motor rating: 0.30 KW 15 min Motor Supply: 400 V.AC, 3 phase, 50Hz Protection: IP68	Rotork	Châu Âu/ OECD	1	Cái	
22	34427030	Proximity sensor	Model: PRT30-15DO Sensing distance: 15mm ±10% Hysteresis: Max. 10% of sensing distance Setting distance: 0 ~ 10.5mm Power supply: 24 VDC Protection: IP67 (IEC standard) Cable spec: Ø5 x 2P, 2m	AUTONICS	Châu Âu/ OECD	6	Cái	
23	88532005	Keyboard Network	Model: KRA-NK Power supply: 12V-1A P/N: 5.0.01.99.0202	KBVISION	Châu Âu/ OECD	1	Cái	
24	34487074	Looppowered Process Indicator	- Model: RIA15-3M15/101 - Power Supply: 24 VDC - Input range: 4-20 mA - Degree of protection: IP67 - Operating temperature: approximately - 40 °C to +60 °C	Endress+Hauser	Châu Âu/ OECD	1	Cái	
25	38304169	Universal Driver Module	- Model: EXD-U02 (804752) - Supply voltage: 24 V.AC ±10% - Protection class: IP20 - Connector: Screw terminals for wire size 0.5-2.5 mm ² - Mounting: DIN rail mounted - Housing: Aluminum	Emerson	Châu Âu/ OECD	4	Cái	
26	39553047	Butterfly Valves With Electric Actuator	Model: 612XB-M - Flange: ASME150Lb - Size: 100A - Body: FCD450 - Disc: SCS13 - Seat: NBR CRV -10A - Supply: 200V, 50/60Hz, 1~ - Motor: 25W, 0.5A, 30 min, Class E - Speed: 31/50 Hz, 26/60Hz. sec/90o - Lubricant: Grease Alyvania FP2	OKMOKumura Engineering corp	Châu Âu/ OECD	2	Cái	
27	51898076	Dynamic blowers	ASC0080-1MS370-5 Voltage: 115/230 V.AC - 50Hz	AIRTECH	Châu Âu/ OECD	1	Cái	
28	51342003	Quick exhaust valve	- Model: VSC 522-08 - Port sizes: 1/2" NPTF - Operating temperature: 32°F - 175°F, (dry air necessary down to - 4° F) - Operating pressure: 0.3 - 10 bar, (5 - 145 psi)	Camozzi	Châu Âu/ OECD	24	Cái	
29	51342004	Quick exhaust valve	- Model: VSC 544-04 - Port sizes: 1/4" NPTF - Operating temperature: 32°F - 175°F, (dry air necessary down to - 4° F) - Operating pressure: 0.3 - 10 bar, (5 - 145 psi)	Camozzi	Châu Âu/ OECD	26	Cái	
30	34488030	Pressure Transmitter	Model: 7MF0300-1QU01-5AF2-ZA00-E00-H01-Y01-Y21+Y15 - Type: SITRANS P320 - Communication: HART, 4...20 mA - Measuring cell filling: Silicone oil - Maximum measuring span: 16 bar (232 psi) - Process connection : Version for diaphragm seal pressure - Wetted parts materials: process connection, seal diaphragm: Stainless steel 316L/1.4404, stainless steel 316L/1.4404 - Non-wetted parts materials: Die-cast aluminum - Enclosure: dual chamber device	SIEMENS	Châu Âu/ OECD	1	Cái	

9159
 H
 U KHÍ
 NGHIẾ
 HỐC GIÁ
 HÀ N

h

STT	MVT	Tên hàng hóa	Thông số kỹ thuật/ Yêu cầu kỹ thuật	Nhà sản xuất	Xuất xứ	Số lượng mua sắm	ĐVT	Ghi chú
31	39510070	Bộ đếm bi Ballrecirculationmonitor	Model: IJ-BR-001 + Phù hợp cho hệ thống CTCS/DF của Nhà máy nhiệt điện Sông Hậu 1 + Bao gồm User manual của thiết bị + Tham khảo tài liệu: - "Technical Datasheet for CTCS" SH1-DHI-P1PAH-MM01-DAS-3767 Rev.A Page 5/5 - "Schematic/Wiring Diagram for CTCS/DF" SH1-DHI-P1PAH-I-M01-DWD-3768 Rev.0DCN3 Page 18,19/44 - "Operating&Maintenance Manual for Condenser Tube Cleaning System" SH1-DHI-P1PAH-M-M01-MAN-3777 Rev.4 Page 11,12/36	DOOSAN	OECD	4	Cái	

Ghi chú:

- Đối với danh mục hàng hóa mua chính hãng, nhà sản xuất, tiêu chuẩn của hàng hóa nêu trên là hàng hóa thuộc các thiết bị hiện hữu tại Nhà máy/Chủ đầu tư lấy theo khuyến cáo của nhà sản xuất/chế tạo thiết bị, tài liệu O&M Nhà máy Nhiệt điện Sông Hậu 1. Do đó, Nhà thầu phải chào đúng chủng loại/model, thông số kỹ thuật như yêu cầu để đảm bảo tương thích, đồng bộ với thiết bị/hệ thống hiện hữu, đang sử dụng tại Nhà máy (tương thích về kích thước, khả năng lắp đặt cho thiết bị/hệ thống nêu trên) để đảm bảo hệ thống/thiết bị vận hành lâu dài, ổn định, hiệu suất cao nhất.
- Đối với danh mục hàng hóa mua tương đương nhà cung cấp có thể chào đúng chủng loại hoặc tương đương. Trường hợp Nhà thầu chào hàng hóa tương đương hoặc tốt hơn, Nhà thầu phải cung cấp tài liệu thể hiện đầy đủ thông số kỹ thuật, tiêu chuẩn công nghệ, tính năng sử dụng,... của hàng hóa/ vật tư kèm theo bảng so sánh các thông số kỹ thuật giữa hai loại hàng hóa trên để chứng minh tương đương hoặc tốt hơn.

Yêu cầu khác:

- Tiến độ: Nhà thầu đề xuất tiến độ cung cấp tốt nhất để Nhà máy xem xét;
- Địa điểm giao hàng: Kho vật tư, Nhà máy Nhiệt điện Sông Hậu 1;
- Chất lượng hàng hóa: Hàng hóa phải đảm bảo mới 100%, chưa qua sử dụng và có nguồn gốc xuất xứ rõ ràng;
- Chứng từ kèm theo hàng hóa:
 - + Hàng hóa phải có đầy đủ chứng chỉ xuất xứ (CO), chứng chỉ chất lượng (CQ/COA/COC) (bản gốc hoặc bản photo công chứng hoặc bản điện tử) hoặc tài liệu có tính chất tương tự;
 - + Bảo hành: 365 ngày kể từ ngày hàng hóa được đưa vào lắp đặt/sử dụng nhưng không dài hơn 550 ngày kể từ ngày được nghiệm thu, bàn giao hàng hóa.

•Lưu ý: Để thuận tiện và thống nhất trong quá trình xem xét đánh giá bảng chào giá, đề nghị nhà cung cấp áp dụng mức thuế suất GTGT là 10% cho tất cả các hàng hóa.

036

12